TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1149/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2018.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1558/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2017, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lê Văn H; Sinh năm: 1976; Hộ khẩu thường trú: 106 L, khu phố 8, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 29/3 T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Bà Tạ Thị Thu H; Sinh năm: 1975; Hộ khẩu thường trú: 106 L, khu phố 8, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Lê Văn H trình bày tại đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án như sau:

Ông và bà Tạ Thị Thu H có thời gian quen biết, tìm hiểu từ năm 2001 đến năm 2003 mới đi đến kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q vào năm 2004.

Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H tổ chức bạn bè chơi hụi, cho vay trả góp, đánh đề, thầu đề,

đánh bài và thường xuyên bị công an phường mời lên phạt hành chính. Ông thì thường xuyên đi làm xa kiếm tiền lo cho cuộc sống, con cái và khi hay biết thì cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà H không nghe. Nhiều lần vì sự an toàn của con mà ông đi vay mượn bạn bè để giải quyết nợ cho bà H nhưng bà H không hối cải mà vẫn chơi bài bạc. Khi ông đi làm, giang hồ đến hăm dọa ảnh hưởng đến tâm lý của các con ông. Ông thường xuyên phải vắng nhà để lo cho vợ con nhưng bà H không chịu làm ăn lương thiện mà đi lừa mượn tiền của bà con, bạn bè, mượn danh ông để mượn tiền. Ông đã phải trả nợ cho bà H rất nhiều lần, vừa phải lo nuôi con ăn học. Vì các nguyên nhân đó mà ông và bà H thường xuyên cãi nhau, ông không thể chấp nhận cuộc sống gia đình lúc nào cũng xào xáo, con cái lo sợ. Ông bà đã bán nhà 106 L, khu phố 8, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ chí Minh để trả nợ. Ông bà không còn ở địa chỉ trên từ tháng 02/2017. Bà H đã dẫn theo cháu Lê Tạ Bảo Tr đi từ đó đến nay. Ông bà đã ly thân thời gian dài, tình cảm càng phai nhạt, ông cảm thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung:

- Lê Tạ Bảo Ng (nữ), sinh ngày: 24/9/2004.

- Lê Tạ Bảo Ch (nữ), sinh ngày: 16/11/2006.

- Lê Tạ Bảo M (nam), sinh ngày: 20/4/2009.

- Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011.

Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng ba trẻ N, Ch, M và đồng ý giao cháu Tr cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng vì cháu Tr đang sống với bà H từ khi bà H bỏ nhà đi đến nay.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho ông nuôi ba trẻ N, Ch, M. Ông không cấp dưỡng cho bà H nuôi trẻ Tr vì hiện nay ông không biết bà H đang ở đâu.

Hiện nay, ông đang làm công việc giám sát thi công công trình cho các công ty. Mức lương bình quân hàng tháng 30.000.000đ đến 40.000.000 đồng tùy theo công việc (kèm theo hợp đồng dịch vụ và sao kê chi tiết phát sinh).

Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Văn H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tạ Thị Thu H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không có mặt

theo giấy triệp tập của Tòa án, chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - ông Lê Văn H đối với bà Tạ Thị Thu H. Giao 03 trẻ Lê Tạ Bảo Ng (nữ), sinh ngày: 24/9/2004, Lê Tạ Bảo Ch (nữ), sinh ngày: 16/11/2006 và Lê Tạ Bảo M (nam), sinh ngày: 20/4/2009 cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao trẻ Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có, bà H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – ông Lê Văn H xin ly hôn với bà Tạ Thị Thu H, bà H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - ông Ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, và bị đơn – bà Tạ Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 24 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q cấp cùng lời khai của ông H về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo trình bày của ông H, Tòa án đã có công văn số 227/TABT, ngày 26/02/2018 về việc xác minh tranh chấp ly hôn giữa ông H và bà H. Tuy nhiên phía Ủy ban nhân dân phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không trả lời văn bản. Vì vậy ngày 03/5/2018 Tòa án đã có biên bản xác minh trực tiếp tại phường B, quận Bình

Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nơi các đương sự cư trú. Theo biên bản xác minh ngày 03/5/2018 thì ông Nguyễn Hoàng Th là trưởng khu phố 8, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: *Trong quá trình hai vợ chồng ông Lê Văn H và bà Tạ Thị Thu H chung sống với nhau tại địa phương, địa phương không ghi nhận việc mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H. Ông H và bà H không trình báo gì với địa phương nên không rõ ông H và bà H có mâu thuẫn gì nên không thể cung cấp thông tin cho Tòa. Hiện nay ông Lê Văn H và bà Tạ Thu H không còn sinh sống tại địa phương, bán nhà đi đâu không rõ nên địa phương không biết tình hình quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H như thế nào. Không biết hiện nay các con của ông H và bà H đang sống với ai.*

Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã diễn ra trầm trọng. Ông H cho rằng do bà H nợ nần, đề đóm, cớ bạc, lừa lọc người khác để nợ nần gây trạng thái bất an cho ông và các con. Bản thân ông thì thường xuyên đi làm xa kiếm tiền lo cho cuộc sống, con cái và khi hay biết thì cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà H không nghe bà H không hối cãi... Vì nhiều nguyên nhân mà ông và bà H thường xuyên cãi nhau, ông không thể chấp nhận cuộc sống gia đình lúc nào cũng xào xáo, con cái lo sợ. Nên yêu cầu được ly hôn với bà H vì cho rằng ông không còn tình cảm với bà H vì đã ly thân thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối lời khai của ông H về quan hệ hôn nhân cũng như các mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và con chung giữa ông và bà H.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân tồn tại trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng và chăm lo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H đã không có tiếng nói chung. Bản thân ông H đã thừa nhận hết tình cảm với bà H và cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Các bên đã sống ly thân thời gian dài nên việc đoàn tụ là khó thực hiện được. Cho thấy mâu thuẫn giữa của ông H và bà H đã trầm trọng, hai người không tìm thấy tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên là: Lê Tạ Bảo Ng (nữ), sinh ngày: 24/9/2004; Lê Tạ Bảo Ch (nữ), sinh ngày: 16/11/2006; Lê Tạ Bảo M (nam), sinh ngày: 20/4/2009 và Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011. Ông H khai hiện nay ba trẻ N, Ch, M đang sống cùng bố mẹ ông tại xã Đ, huyện M, tỉnh Q và ông có yêu cầu nuôi dưỡng cả ba trẻ này. Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Q về việc thu thập chứng cứ lấy ý kiến của các trẻ có nguyện vọng sống với ai. Theo kết quả ủy thác thì các trẻ Ch và M đều có nguyện vọng sống với ông H, riêng trẻ N không có ý kiến. Ông H có yêu cầu giao trẻ Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng vì sau khi ly thân bà H đã đem trẻ Tr đi theo và không có liên lạc gì. Thông qua biên bản xác minh trực tiếp tại địa phương nơi trước đây ông H và bà H cư trú thì địa phương cũng không rõ về việc các con ông H và bà H đang sống với ai.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải tính đến quyền lợi của trẻ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Hiện nay cả ba trẻ N, Ch, Minh đang được bố mẹ ông H chăm sóc tại Q và bà H cũng không qua lại thăm nom, ông H có yêu cầu được nuôi cả ba trẻ này. Ông H đã chứng minh được có công việc ổn định, có người phụ chăm các trẻ, nguyện vọng của trẻ Ch và M cũng muốn được ở với ba trong khi đó bà H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông H tuy nhiên bà H vẫn không đến Tòa và không có ý kiến. Thông qua kết quả Ủy thác thu thập chứng cứ cho thấy các trẻ N, Ch, M hiện đang sống cùng ông bà là bố mẹ ông H, hiện nay các cháu đã học hành ổn định tại Q, do đó yêu cầu của ông H yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng cả ba trẻ N, Ch, M là phù hợp. Riêng trẻ Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011 ông H khai hiện bà H đã đem trẻ Tr đi theo bà H và từ đó đến nay không liên lạc gì, qua xác minh tại địa phương cũng không rõ việc nuôi con của ông H và bà H, do đó căn cứ vào lời khai của ông H giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án, vì vậy nếu sau này bà H có yêu cầu sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Lê Văn H khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0001494 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn H đối với bà Tạ Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 24 tháng 5 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên là: Lê Tạ Bảo Ng (nữ), sinh ngày: 24/9/2004; Lê Tạ Bảo Ch (nữ), sinh ngày: 16/11/2006; Lê Tạ Bảo M (nam), sinh ngày: 20/4/2009 và Lê Tạ Bảo Tr (nữ), sinh ngày: 30/5/2011. Giao 03 (ba) trẻ N, Ch, M cho ông Lê Văn H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao trẻ Tr cho bà Tạ Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn H về việc không yêu cầu bà Tạ Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con chung. Dành riêng cho bà H quyền khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án dân sự khác nếu sau này bà H có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Lê Văn H khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0001494 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa